TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 263/2019/HC-PT
Ngày 16-10-2019
V/v: yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông NTN;
Các Thẩm phán: Ông VMH;
Bà NTTX.

- Thư ký phiên tòa: Ông ĐNC - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông NThN - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15 và 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 104/2019/TLPT-HC ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 77/2018/HC-ST ngày 06-12-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9439/2019/QĐ-PT ngày 30-9-2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị V sinh năm 1962; trú tại tổ 14 B, khu 5, phường Qtg, thành phố U, tỉnh Q, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đặng Văn Cng - Luật sư Văn phòng Luật sư Chính Pháp, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Tường H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Q.

- Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Q.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình Tng - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q: Ông Lê Cao Lng - Luật sư Công ty Luật TNHH Tân Lng, Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường Qtg, thành phố U, tỉnh Q.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh Tg - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, có mặt.

- Bà Trịnh Thị N* sinh năm 1953; trú tại tổ 14 B, khu 5, phường Qtg, thành phố U, tỉnh Q, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện bà Phạm Thị V và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 29-12-2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Q ban hành Quyết định số 5191/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Cụ thể:

Năm 1989, sau khi trường Đảng của thị xã U (nay là thành phố U) giải thể, gia đình bà V mua nhà thanh lý của trường Đảng và chuyển đến ở tại đây. Trong năm 1989, gia đình bà V khai hoang được 01 thửa đất khoảng 440 m^2 tại tổ 14, khu 5, phường Qtg.

Năm 1993, UBND phường Qtg đến kiểm tra, đo đạc, thu hồi và giao 280 m^2 của gia đình bà V cho bà Trịnh Thị N*. Toàn bộ thủ tục do UBND phường Qtg tự ý thực hiện. Đến năm 1997 thông qua ông Nguyễn Tiến Dng gia đình bà V mới biết sự việc mảnh đất trồng cây của gia đình bà đã bị bán cho bà N*, bà N* thu hoạch cây bạch đàn và hỗ trợ cho gia đình 300.000 đồng, còn lại khoảng 218 m^2 đất gia đình tiếp tục sử dụng.

Năm 2013, UBND thành phố U ban hành thông báo số 555 về việc thu hồi 57,9 m^2 đất mà gia đình đang sử dụng để giao cho bà Trịnh Thị N*. Gia đình bà V đã khiếu nại rất nhiều lần nhưng không được giải quyết.

Đến ngày 30-9-2014, UBND thành phố U ban hành văn bản số 396 thông báo thu hồi 218 m^2 đất của gia đình để thực hiện quy hoạch cấp đất xen cư, phục vụ công tác chỉnh trang đô thị. Không đồng ý, nên bà V tiếp tục khiếu nại và ngày 16-9-2015, Chủ tịch UBND thành phố U ban hành Quyết định số 6185/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại đối với bà V có nội dung bác toàn bộ yêu cầu khiếu nại, lý do thửa đất trồng cây của gia đình từ năm 1989 là do gia đình sử dụng trái phép nên không được hỗ trợ, không được bồi thường và không đồng

ý cấp quyền sử dụng đất đối với thửa còn lại hiện gia đình vẫn sử dụng vì lý do đất chưa được quy hoạch và tiếp tục chỉnh trang đô thị. Không đồng ý, bà V khiếu nại và ngày 29-12-2017, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 5191/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại đồng ý với giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố U.

Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Q là thiếu khách quan, chưa đảm bảo quyền lợi của người khởi kiện, do đó bà Phạm Thị V khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 29-12-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V, trên cơ sở hủy Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 29-12-2017, đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 6185/QĐ-UBND ngày 16-9-2015 của Chủ tịch UBND thành phố U, hủy Thông báo số 555/TB-UBND ngày 17-12-2013 và Thông báo thu hồi đất số 396/TB-UBND ngày 30-9-2014 của UBND thành phố U.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Chủ tịch UBND tỉnh Q) và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có quan điểm:

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 5191/QĐ-UBND ngày 29-12-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q đã giải quyết không chấp nhận các yêu cầu khiếu nại của người khởi kiện Phạm Thị V với các căn cứ như sau:

Đối với khiếu nại về trình tự, thủ tục thu hồi đất trồng cây bạch đàn của gia đình bà để giao đất cho bà Trịnh Thị N* của UBND phường Qtg năm 1993:

Ngày 17-10-1993, UBND phường Qtg tiến hành kiểm tra đo đất đề nghị UBND thành phố U cấp GCNQSD đất cho bà Trịnh Thị N*, ngày 23-11-1993, UBND phường Qtg có biên bản bàn giao đất cho bà Trịnh Thị N* với diện tích ghi trong biên bản là 240 m^2*(tại sơ đồ đo vẽ ghi kích thước 20 m x 14 m)* thuộc một phần thửa đất do gia đình bà V đang chiếm dụng trồng cây bạch đàn từ năm 1989; cùng ngày 23-11-1993 bà N* đã nộp lệ phí sử dụng đất vào ngân sách nhà nước với số tiền là 500.000 đồng (biên lai thu lệ phí N^0 044752). Ngày 22-6-1997 gia đình bà N* có đền bù tiền cây cho gia đình ông Phạm Duy Kn và bà Phạm Thị V với số tiền là 300.000 đồng *(có giấy biên nhận viết tay đã được hai bên ký xác nhận và có ông Nguyễn Đức Hg là người làm chứng)*; không đền bù, hỗ trợ về đất đai.

Theo Luật đất đai năm 1988 thì Nhà nước không quy định việc đền bù về đất đai khi Nhà nước thu hồi. Luật Đất đai năm 1993 (có hiệu lực từ ngày 15-10-1993), Nghị định số 90-CP ngày 19-8-1994 của Chính phủ mới có quy định về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất, cụ thể: Điều 1, Nghị định 90-CP quy định: " Ban hành kèm theo Nghị định này Quy định về việc Nhà nước đền bù thiệt hại khi thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng quy định tại Điều 27 Luật đất đai; việc đền bù thiệt hại trong các trường hợp thu hồi đất để sử dụng vào mục đích khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này"; và theo Điều 10, Nghị định 90-CP quy định: "Người sử dụng đất bất hợp pháp, khi bị thu hồi, không được đền bù thiệt hại về đất và phải tự chịu mọi chi phí tháo dỡ, giải toả mặt bằng theo yêu cầu của Nhà nước".

Qua xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan đến thửa đất mà bà Phạm Thị V khiếu nại và nội dung bà Trịnh Thị N* đề nghị UBND thành phố U cấp quyền sử dụng đất cho thấy: Ngày 02-3-2000, UBND thành phố U đã ban hành văn bản số 41/CV-UB về việc giải quyết ranh giới đất của bà Trịnh Thị N*, trong đó có nội dung: "(1) Không công nhận thủ tục bàn giao đất cho bà Trịnh Thị N* ngày 23-11-1993 của UBND phường Qtg vì thực hiện không đúng thẩm quyền; (2) Thống nhất ranh giới giao đất cho gia đình bà N* theo thông báo Kết luận số 08/TB-UB của Chủ tịch UBND thành phố U ngày 27-01-2000 *"Đồng ý cấp quyền sử dụng đất cho bà N* với phần diện tích 280 m^2 trên cơ sở khuôn viên gia đình đang sử dụng nếu thiếu sẽ cấp về phía tây, phần còn lại ở phía tây quy hoạch ngõ đi chung của khu vực dân cư; gia đình bà N* phải nộp tiền thu cấp quyền sử dụng đất theo giá tại Quyết định 286 của thị xã; do bà N* đã nộp tiền lệ phí đất cho UBND phường Qtg từ ngày 23-11-1993 nên được tính lãi xuất Ngân hàng theo từng thời điểm từ ngày nộp tiền đến tháng 01/2000 và được xét theo phương pháp khấu trừ, sau khi tính phần chênh lệch nếu thiếu gia đình bà N* phải nộp tiền cấp quyền sử dụng đất vào ngân sách thị xã, nếu thừa thị xã sẽ thanh toán trả lại cho gia đình. Giao phòng Địa chính chủ trì cùng UBND phường Qtg thông báo cho gia đình bà N* biết và tổ chức thực hiện xong trước ngày 29-02-2000"*; Quyết định số 596/QĐ-UB ngày 21-6-2000 "V/v giải quyết đơn khiếu nại của bà Trịnh Thị N*, tổ 14b, khu 5, phường Qtg" tiếp tục khẳng định: "Giải quyết tranh chấp giữa gia đình bà Trịnh Thị N* và gia đình ông Phạm Duy Kn, như thông báo kết luận số: 08/TB-UB ngày 27-01-2000 của Chủ tịch UBND thành phố U". Như vậy, trong quá trình giải quyết UBND thành phố U đã xác định việc UBND phường Qtg bàn giao đất cho bà Trịnh Thị N* năm 1993 là trái thẩm quyền và sau này UBND thành phố U thực hiện các thủ tục để giao 280 m^2 đất cho gia đình bà Trịnh Thị N* (có thu tiền để cấp quyền sử dụng) được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do việc xảy ra tranh chấp đất đai giữa gia đình bà Phạm Thị V với bà Trịnh Thị N* diễn ra nhiều năm cho đến nay gia đình bà N* vẫn chưa được cấp GCNQSD đất.

Sau khi xem xét hồ sơ, tài liệu cho thấy: UBND thành phố U và các cơ quan của thành phố U đã giải quyết nội dung khiếu nại của bà nhiều lần, cụ thể văn bản số: 41/CV-UB ngày 02-3-2000 về việc giải quyết ranh giới đất của bà Trịnh Thị N*, trong đó khẳng định: "(1) Không công nhận thủ tục bàn giao đất cho bà Trịnh Thị N* ngày 23-11-1993 của UBND phường Qtg vì thực hiện không đúng thẩm quyền; (2) Thống nhất ranh giới giao đất cho gia đình bà N* theo thông báo kết luận số: 08/TB-UB ngày 27-01-2000 của Chủ tịch UBND thành phố U *"Đồng ý cấp quyền sử dụng đất cho bà N* với phần diện tích 280 m^2 trên cơ sở khuôn viên gia đình đang sử dụng nếu thiếu sẽ cấp về phía tây, phần còn lại ở phía tây quy hoạch ngõ đi chung của khu vực dân cư; gia đình bà N* phải nộp tiền thu cấp quyền sử dụng đất theo giá tại Quyết định số: 286 của thị xã...".*

Như vậy, nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị V về việc UBND phường Qtg thu hồi đất và giao đất ở cho bà Trịnh Thị N* năm 1993 sai trình tự thủ tục, sai thẩm quyền là khiếu nại đúng. Vì vậy, sau khi kiểm tra xem xét vụ việc, UBND thành phố U đã kết luận không công nhận thủ tục bàn giao đất cho bà Trịnh Thị N* ngày 23-11-1993 của phường Qtg; đồng thời chỉ đạo giải quyết vụ việc theo hướng đồng ý cấp quyền sử dụng

đất cho bà Trịnh Thị N* 280 m^2 đất và xử lý các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ tài chính mà bà N* phải thực hiện cũng như việc rà soát lập phương án bồi thường GPMB đối với diện tích 57,9 m^2 thu hồi của gia đình bà Phạm Thị V để giao cho bà Trịnh Thị N*.

Đối với nội dung khiếu nại văn bản số 555/UBND ngày 17-12-2013 của UBND thành phố U về việc thu hồi 57,9 m^2 đất và văn bản số 396/UBND ngày 30-9-2014 của UBND thành phố U về việc thu hồi 218 m^2 đất của gia đình bà:

Sau khi xem xét hồ sơ cho thấy: Ngày 17-12-2013, UBND thành phố U có thông báo số 555/TB-UBND về ý kiến kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND thành phố U tại cuộc họp giải quyết đơn thư ngày 17-12-2013, trong đó có nội dung: Để giải quyết dứt điểm nội dung kiến nghị của bà Trịnh Thị N*, UBND thành phố U giao cho UBND phường Qtg chủ trì kiểm đếm cây cối, hoa màu lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định đối với phần diện tích 57,9 m^2 mà gia đình ông Phạm Duy Kn (bà Phạm Thị V) đang chiếm dụng trái phép tiếp giáp với thửa đất của bà Trịnh Thị N*. Nguồn kinh phí GPMB do ngân sách phường tự chi trả; phần diện tích còn lại sau khi trừ 57,9 m^2 đất giao cho gia đình bà Trịnh Thị N* ..., nếu gia đình ông Phạm Duy Kn (Phạm Thị V) có nhu cầu mua để xây dựng nhà ở hoặc cấp GCNQSD đất theo hiện trạng thì làm đơn gửi các cấp chính quyền xem xét ". Tuy nhiên, do vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện thông báo, UBND phường Qtg đã báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố U, căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của thành phố U đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 19-3-2014 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu của thành phố U, ngày 25-8-2014 UBND thành phố U ban hành Quyết định số 3831/QĐ-UBND về việc phê duyệt mặt bằng đất xen cư tại tổ 14b, khu 5b, phường Qtg, thành phố U. Theo đó, ngày 30-9-2014 UBND thành phố U ra Thông báo số 396/TB-UBND về việc thu hồi toàn bộ 218 m^2 đất đang trồng cây lâu năm của hộ gia đình ông Phạm Duy Kn để thực hiện quy hoạch cấp đất xen cư, phục vụ công tác chỉnh trang đô thị. Như vậy, nội dung Thông báo số 555/TB-UBND ngày 17-12-2013 và Thông báo số 396/TB-UBND ngày 30-9-2014 của UBND thành phố U là để thực hiện theo quy trình, thủ tục của pháp luật về việc thu hồi đất thực hiện quy hoạch cấp đất xen cư, phục vụ công tác chỉnh trang đô thị là đúng quy định của pháp luật về đất đai và thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố U.

Tuy nhiên, theo báo cáo số 757/UBND-TNMT ngày 20-4-2017 của UBND thành phố U "V/v giải quyết kiến nghị của bà Phạm Thị V, cho thấy đến tháng 12/2014 Ủy ban nhân thành phố U mới dừng lại ở việc ban hành quyết định về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và thực hiện việc kiểm đếm cây cối, kiến trúc, xét duyệt nguồn gốc, quá trình sử dụng đất. Còn lại các bước tiếp theo nằm trong quy trình thu hồi đất thực hiện dự án chưa thực hiện được do vướng mắc từ việc khiếu kiện của ông Phạm Duy Kn (vợ là Phạm Thị V).

Xem xét kết quả giải quyết cho thấy: Việc UBND thành phố U ban hành 02 thông báo: Thông báo số 555/TB-UBND ngày 17-12-2013 của UBND thành phố U về việc thu hồi 57,9 m^2 đất và Thông báo số 396/TB-UBND ngày 30-9-2014 của

UBND thành phố U về việc thu hồi 218 m^2 đất của gia đình bà là đúng thẩm quyền, đúng quy trình, quy định của pháp luật về đất đai. Tuy nhiên, do vướng mắc về khiếu kiện của gia đình bà, vì vậy cho đến thời điểm hiện nay UBND thành phố U chưa thực hiện xong các thủ tục để thu hồi đất phục vụ việc cấp đất xen cư và chỉnh trang đô thị theo quy định.

Đối với nội dung đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 218 m^2 đất hiện gia đình bà đang chiếm dụng trồng cây:

Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12 phường Qtg, thành phố U có diện tích 218 m^2 tại tổ 14 b, khu 5b, phường Qtg, thành phố U mà gia đình bà đã chiếm dụng đang có tranh chấp giữa gia đình bà và gia đình bà Trịnh Thị N* từ năm 1998 đến nay. Xuất phát từ nội dung kiến nghị của bà, UBND thành phố U đã có văn bản trả lời số 1071/UBND ngày 20-5-2015 với nội dung: "Thửa đất trên nằm giáp ranh với thửa đất của bà Trịnh Thị N* đang ở, đất có nguồn gốc đất do Trường Đảng cũ quản lý, sử dụng. Sau khi Trường Đảng giải thể, hộ gia đình ông Phạm Duy Kn và bà Phạm Thị V đã tự ý chiếm dụng để trồng một số cây (bạch đàn, nhãn, vải...) chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Năm 1999 gia đình ông Phạm Duy Kn và bà Phạm Thị V đã xây dựng trái phép tại phần đất trên. Ngày 21-12-1999 UBND thị xã U đã ban hành Quyết định số 910/QĐ-UB về việc xử phạt vi phạm hành chính, yêu cầu hộ gia đình ông Phạm Duy Kn tháo dỡ nhà xây dựng trái phép tại thửa đất trên và thửa đất trên đang có tranh chấp nên UBND thành phố không có đủ điều kiện để cấp giấy CNQSD đất cho hộ gia đình bà Phạm Thị V được... UBND thành phố đã quy hoạch cấp đất dân cư xen kẽ, hiện nay UBND phường và các phòng ban của thành phố U đang tiến hành thủ tục trình tự đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành".

Xem xét nội dung kiến nghị cho thấy: Thửa đất mà gia đình bà Phạm Thị V đề nghị được cấp GCNQSD đã có thông báo thu hồi, bồi thường GMBM để phục vụ việc cấp đất xen cư và chỉnh trang đô thị. Vì vậy nội dung bà đề nghị UBND thành phố U cấp GCNQSD đất với toàn bộ diện tích 218 m^2 là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Q khẳng định Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 29-12-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V ban hành đúng thẩm quyền, đúng nội dung, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Chủ tịch UBND thành phố U) và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có cùng quan điểm với Chủ tịch UBND tỉnh Q thể hiện tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 5191/QĐ-UBND ngày 29-12-2017 và khẳng định việc giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 6185/QĐ-UBND ngày 19-9-2015 của Chủ tịch UBND thành phố U là đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - UBND phường Qtg có quan điểm cùng với Chủ tịch UBND thành phố U và Chủ tịch UBND tỉnh Q trong việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V và khẳng

định quá trình giải quyết đã xác định:

Thửa đất mà bà V - ông Kn và bà N* đang sử dụng có nguồn gốc: Năm 1989 sau khi Trường Đảng của thị xã U giải thể, gia đình ông Phạm Duy Kn (vợ là bà Phạm Thị V) được mua nhà thanh lý của Trường Đảng và chuyển đến để ở. Cũng vào thời điểm năm 1989, gia đình bà Phạm Thị V đã chiếm dụng khu đất trống của Trường Đảng cũ với diện tích khoảng 420 m^2 để trồng cây bạch đàn (phần diện tích này UBND thị xã U chưa giao cho tổ chức, hộ gia đình cá nhân nào quản lý sử dụng). Sau đó, bà Phạm Thị V tiếp tục tự ý xây dựng nhà cấp 4 với diện tích 19 m^2 và 13,75 m^2. Việc bà Phạm Thị V xây dựng trái phép đã bị UBND thành phố U xử phạt tại Quyết định số 910/QĐ-UB ngày 21-12-1999 về việc: "Tháo dỡ nhà xây dựng trái phép của ông Phạm Duy Kn, cư trú tổ 14, khu 5, phường Qtg".

Ngày 17-10-1993, UBND phường Qtg đã kiểm tra, đo đạc, vẽ sơ đồ thu hồi 280 m^2 đất do bà Phạm Thị V chiếm dụng trồng bạch đàn năm 1989 để cấp đất ở cho bà Trịnh Thị N*, diện tích đất ghi trong biên bản là 240 m^2, tại sơ đồ đo vẽ ghi kích thước: 20 m x14 m thuộc một phần thửa đất do gia đình bà Phạm Thị V. Bà Trịnh Thị N* đã nộp lệ phí sử dụng đất vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng (biên lai thu lệ phí N^0 044752 ngày 21-11-1993). Bà Trịnh Thị N* đã đền bù tiền cây cho gia đình ông Phạm Duy Kn - bà Phạm Thị V với số tiền là 300.000 đồng (có giấy xác nhận viết tay đã được hai bên ký xác nhận và có ông Nguyễn Đức Hg là người làm chứng). Theo quy định của Luật đất đai năm 1993 thì trong trường hợp này không đền bù hỗ trợ về đất đai. Đến năm 1998 thì xảy ra tranh chấp đất đai giữa bà Phạm Thị V và bà Trịnh Thị N*.

UBND thành phố U đã tiến hành xác minh việc UBND phường Qtg bàn giao đất cho Trịnh Thị N*, giải quyết vụ việc tranh chấp, thể hiện tại các văn bản sau:

Văn bản số 41/CV/UB "V/v giải quyết ranh giới đất của bà Trịnh Thị N*": Không công nhận thủ tục bàn giao đất cho bà ngày 23-11-1993 của UBND phường Qtg vì thực hiện không đúng thẩm quyền. Trong quá trình xem xét UBND thị xã U nhận thấy gia đình bà Trịnh Thị N* chưa có đất ở nên đã đồng ý cấp đất cho gia đình bà. Ngày 21-6-2000 UBND thị xã U ban hành Quyết định số 596/QĐ-UB "V/v giải quyết đơn khiếu nại của bà Trịnh Thị N*, tổ 14b, khu 5, phường Qtg - U" có ghi: *"Giải quyết tranh chấp giữa gia đình bà Trịnh Thị N* và gia đình ông Phạm Duy Kn, như nội dung thông báo kết luận số 08/TB/TU ngày 27-01-2000 của UBND thị xã với nội dung sau: Đồng ý cấp giấy sử dụng quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị N* với diện tích 280 m^2 trên cơ sở khuôn viên gia đình đang sử dụng, nếu thiếu cấp về phía Tây, cụ thể: ...Chiều phía Đông Tây: Phía giáp trường PTTH dài 19,2 m; phía giáp vườn bạch đàn dài 19,2 m".*

Như vậy, UBND thị xã U cấp quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị N* với diện tích 280 m^2 đất, tại tổ 14b, khu 5, phường Qtg được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của UBND phường Qtg đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trịnh Thị N có quan điểm:*

Năm 1989, sau khi trường Đảng giải thể, gia đình bà V mua nhà 5 gian ở dãy trên chung với cô Lê Thị Quỳnh và cùng thời điểm đó bà V đã chiếm dụng ô đất đằng sau của dãy nhà 5 gian đó và tự xây nhà trái phép. Xong năm 1999 thị xã Đông Triều U (nay là thành phố U đã vào cưỡng chế và tháo dỡ).

Đến năm 1993, gia đình bà N* có mua một mảnh đất của trường Đảng với diện tích là 290 m^2, gia đình đã được cấp chính quyền vào kiểm tra đo đất và vẽ sơ đồ, bàn giao đất cho gia đình bà, đã nộp tiền mua đất vào ngân sách nhà nước có hóa đơn đỏ nhưng bà V vẫn yêu cầu phải đền bù cây cối của trường Đảng với giá ba trăm N*n đồng có ông Nguyễn Đắc Hg làm chứng.

Năm 1998, gia đình bà N* xây nhà thì bà V lại xâm hại của gia đình 57,9 m^2 đất. Đến ngày 17-12-2013, UBND thành phố U đã ra thông báo số 555/TB-UBND giao cho UBND phường Qtg kiểm đếm cây cối, hoa màu, lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định với phần diện tích là 57,9 m^2 mà bà V đã chiếm dụng để trả cho gia đình bà, thời gian xong trước ngày 05-01-2014. Sau khi giải phóng mặt bằng trả cho bà 57,9 m^2, phần còn lại nếu bà V có nhu cầu mua thì viết đơn gửi chính quyền các cấp xem xét. Như vậy việc Chủ tịch UBND tỉnh và UBND thành phố U ra quyết định thu hồi đất chiếm dụng của bà V là có căn cứ pháp luật. Nguyện vọng của gia đình là đề nghị trả đất cho bà theo đúng hồ sơ vẽ sơ đồ từ năm 1993 đủ 280 m^2 mà gia đình bà N* đã mua.

Tại Bản án số 77/2018/HC-ST ngày 06-12-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Q căn cứ vào Điều 22 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 21 Luật khiếu nại; Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí; quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 29-12-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V, trên cơ sở đó hủy quyết định số 6185/QĐ-UBND ngày 16-9-2015 của Chủ tịch UBND thành phố U, hủy thông báo số 555/TB-UBND ngày 17-12-2013 và thông báo số 396/TB-UBND ngày 30-9-2014 của UBND thành phố U.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11-12-2018, bà Phạm Thị V có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận yêu cầu cầu khởi kiện của đương sự.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định UBND thành phố U tham gia tố tụng với tư cách người bị kiện là không chính xác. Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) không tiến hành thủ tục đối thoại là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V là không có căn cứ; đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

Đại diện người bị kiện là UBND thành phố U vẫn giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án; đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà V.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Q cho rằng việc giải quyết quyết khiếu nại (lần 2) của Chủ tịch UBND tỉnh Q đối với bà V là có căn cứ. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà V là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:

Sau khi UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 29-12-2017 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V (lần 2); ngày 20-4-2018, bà Phạm Thị V khởi kiện yêu cầu hủy quyết định nêu trên là trong thời hiệu khởi kiện; ngoài ra, bà V còn yêu cầu hủy Quyết định số 6185/QĐ-UBND ngày 16-9-2015 của Chủ tịch UBND thành phố U, hủy Thông báo số 555/TB-UBND ngày 17-12-2013 và Thông báo thu hồi đất số 396/TB-UBND ngày 30-9-2014 của UBND thành phố U; đây là các quyết định hành chính liên quan nên được xem xét tính hợp pháp theo quy định. Tòa án nhân dân tỉnh Q đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2]. Xem xét tính hợp pháp của các quyết định bị khiếu kiện

- Đối với nội dung Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 29-12-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) và Quyết định số 6185/QĐ-CTUBND ngày 16-9-2015 của Chủ tịch UBND thành phố U về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với bà V

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định: Ngày 17-10-1993, UBND phường Qtg tiến hành kiểm tra đo đất đề nghị UBND thành phố U cấp GCNQSD đất cho bà Trịnh Thị N*, ngày 23-11-1993, UBND phường Qtg có biên bản bàn giao đất cho bà Trịnh Thị N* với diện tích ghi trong biên bản là 240 m^2 thuộc một phần thửa đất do gia đình bà V đang chiếm dụng trồng cây bạch đàn từ năm 1989. Ngày 23-11-1993 bà N* đã nộp lệ phí sử dụng đất theo quy định. Ngày 22-6-1997 gia đình bà N* đã đền bù tiền cây cho gia đình ông Phạm Duy Kn và bà Phạm Thị V với số tiền là 300.000 đồng.

Không đền bù, hỗ trợ về đất đai.

Luật đất đai năm 1988 không quy định việc đền bù về đất đai khi thu hồi, Luật đất đai năm 1993 (có hiệu lực từ ngày 15-10-1993), Nghị định số 90-CP ngày 19-8-1994 của Chính phủ quy định về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất, cụ thể: Tại Điều 1, Nghị định 90-CP quy định: "Ban hành kèm theo Nghị định này Quy định về việc Nhà nước đền bù thiệt hại khi thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng quy định tại Điều 27 Luật đất đai; việc đền bù thiệt hại trong các trường hợp thu hồi đất để sử dụng vào mục đích khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này" và căn cứ Điều 10, Nghị định 90-CP quy định: ”Người sử dụng đất bất hợp pháp, khi bị thu hồi, không được đền bù thiệt hại về đất và phải tự chịu mọi chi phí tháo dỡ, giải toả mặt bằng theo yêu cầu của Nhà nước".

Kết quả xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan đến thửa đất mà bà Phạm Thị V khiếu nại và nội dung bà Trịnh Thị N* đề nghị UBND thành phố U cấp quyền sử dụng đất thể hiện: Ngày 02-3-2000, UBND thành phố U đã ban hành văn bản số 41/CV/UB về việc giải quyết ranh giới đất của bà Trịnh Thị N*, trong đó có nội dung: "(1) Không công nhận thủ tục bàn giao đất cho bà Trịnh Thị N* ngày 23-11-1993 của UBND phường Qtg vì thực hiện không đúng thẩm quyền; (2) Thống nhất ranh giới giao đất cho gia đình bà N* theo thông báo kết luận số 08/TB-UB của Chủ tịch UBND thành phố U ngày 27-01-2000 *"Đồng ý cấp quyền sử dụng đất cho bà N* với phần diện tích 280 m^2 trên cơ sở khuôn viên gia đình đang sử dụng nếu thiếu sẽ cấp về phía tây, phần còn lại ở phía tây quy hoạch ngõ đi chung của khu vực dân cư; gia đình bà N* phải nộp tiền thu cấp quyền sử dụng đất theo giá tại Quyết định 286 của thị xã; do bà N* đã nộp tiền lệ phí đất cho UBND phường Qtg từ ngày 23-11-1993 nên được tính lãi xuất Ngân hàng theo từng thời điểm từ ngày nộp tiền đến tháng 01/2000 và được xét theo phương pháp khấu trừ, sau khi tính phần chênh lệch nếu thiếu gia đình bà N* phải nộp tiền cấp quyền sử dụng đất vào ngân sách thị xã, nếu thừa thị xã sẽ thanh toán trả lại cho gia đình. Giao phòng Địa chính chủ trì cùng UBND phường Qtg thông báo cho gia đình bà N* biết và tổ chức thực hiện xong trước ngày 29-02-2000"*; Quyết định số: 596/QĐ-UB ngày 21-6-2000 "V/v giải quyết đơn khiếu nại của bà Trịnh Thị N*, tổ 14b, khu 5, phường Qtg" tiếp tục khẳng định: "Giải quyết tranh chấp giữa gia đình bà Trịnh Thị N* và gia đình ông Phạm Duy Kn, như thông báo kết luận số: 08/TB-UB ngày 27-01-2000 của Chủ tịch UBND thành phố U”. Trong quá trình giải quyết UBND thành phố U đã xác định việc UBND phường Qtg bàn giao đất cho bà Trịnh Thị N* năm 1993 là trái thẩm quyền và sau này UBND thành phố U thực hiện các thủ tục để giao 280 m^2 đất cho gia đình bà Trịnh Thị N* (có thu tiền để cấp quyền sử dụng) được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do việc xảy ra tranh chấp đất đai giữa gia đình bà Phạm Thị V với bà Trịnh Thị N* diễn ra nhiều năm cho đến nay gia đình bà N* vẫn chưa được cấp GCNQSD đất.

UBND thành phố U và các cơ quan của thành phố U đã giải quyết nội dung khiếu nại của bà V nhiều lần, cụ thể văn bản số: 41/CV/UB Ngày 02-3-2000 về việc giải quyết ranh giới đất của bà Trịnh Thị N*, trong đó khẳng định: " (1) Không công nhận thủ tục bàn giao đất cho bà Trịnh Thị N* ngày 23-11-1993 của

UBND phường Qtg vì thực hiện không đúng thẩm quyền; (2) Thống nhất ranh giới giao đất cho gia đình bà N* theo thông báo kết luận số: 08/TB-UB ngày 27-01-2000 của Chủ tịch UBND dân thành phố U *"Đồng ý cấp quyền sử dụng đất cho bà N* với phần diện tích 280 m^2 trên cơ sở khuôn viên gia đình đang sử dụng nếu thiếu sẽ cấp về phía tây, phần còn lại ở phía tây quy hoạch ngõ đi chung của khu vực dân cư; gia đình bà N* phải nộp tiền thu cấp quyền sử dụng đất theo giá tại Quyết định 286 của thị xã....;*.

Như vậy, việc UBND phường Qtg thu hồi đất và giao đất ở cho bà Trịnh Thị N* năm 1993 sai trình tự thủ tục, sai thẩm quyền là có căn cứ. UBND thành phố U đã kết luận không công nhận thủ tục bàn giao đất cho bà Trịnh Thị N* ngày 23-11-1993 của phường Qtg; đồng thời đã có chỉ đạo giải quyết vụ việc theo hướng đồng ý cấp quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị N* 280 m^2 đất và chỉ đạo xử lý các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ tài chính mà bà N* phải thực hiện cũng như việc rà soát lập phương án bồi thường GPMB đối với diện tích 57,9 m^2 thu hồi của gia đình bà Phạm Thị V để giao cho bà Trịnh Thị N*.

Quyết định số 6185/QĐ-CTUBND ngày 16-9-2015 của Chủ tịch UBND thành phố U về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 19-12-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà V đã ban hành đúng thẩm quyền, đúng nội dung.

Mặc dù, tại Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) không thể hiện kết quả đối thoại là không đúng với quy định tại Điều 40 Luật khiếu nại; tuy nhiên, xét thấy vụ việc đã được hòa giải, giải quyết nhiều lần; về cơ bản các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết nội dung khiếu nại; các nội dung, yêu cầu, khiếu nại của đương sự, căn cứ; lý do khiếu nại đã được kiểm tra, xác minh thể hiện rõ nên trong trường hợp cụ thể này không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết khiếu nại.

- Đối với nội dung khiếu nại các văn bản số 555/TB-UBND ngày 17-12-2013 về việc thu hồi 57,9 m^2 đất và số 396/TB-UBND ngày 30-9-2014 của UBND thành phố U về việc thu hồi 218 m^2 đất của gia đình bà V.

Ngày 17-12-2013, UBND thành phố U ban hành thông báo số 555/TB-UBND, trong đó có nội dung: Để giải quyết dứt điểm nội dung kiến nghị của bà Trịnh Thị N*, UBND thành phố giao "UBND phường Qtg chủ trì kiểm đếm cây cối, hoa màu lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định đối với phần diện tích 57,9 m^2 mà gia đình ông Phạm Duy Kn (bà Phạm Thị V) đang chiếm dụng trái phép tiếp giáp với thửa đất của bà Trịnh Thị N*. Nguồn kinh phí giải phóng mặt bằng do ngân sách phường tự chi trả; phần diện tích còn lại sau khi trừ 57,9 m^2 đất giao cho gia đình bà Trịnh Thị N*..., nếu gia đình ông Phạm Duy Kn (Phạm Thị V) có nhu cầu mua để xây dựng nhà ở hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng thì làm đơn gửi các cấp chính quyền xem xét". Tuy nhiên, do vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện thông báo, UBND phường Qtg đã báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố U, căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của thành phố U đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 19-3-2014 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu của thành phố U,

ngày 25-8-2014, UBND thành phố U ban hành Quyết định số 3831/QĐ-UBND về việc phê duyệt mặt bằng đất xen cư tại tổ 14 b, khu 5b, phường Qtg, thành phố U. Sau đó, ngày 30-9-2014 UBND thành phố U ban hành Thông báo số 396/TB-UBND về việc thu hồi toàn bộ 218 m^2 đất đang trồng cây lâu năm của hộ gia đình ông Phạm Duy Kn để thực hiện quy hoạch cấp đất xen cư, phục vụ công tác chỉnh trang đô thị. Việc UBND thành phố U ban hành 02 thông báo nêu trên là đúng pháp luật về đất đai.

[3]. Đối với yêu cầu đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 218 m^2 đất hiện gia đình bà V đang chiếm dụng trồng cây

Gia đình bà V chiếm dụng thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12 phường Qtg, thành phố U có diện tích 218 m^2 tại tổ 14b, khu 5b, thửa đất nêu trên có tranh chấp giữa gia đình bà V và gia đình bà Trịnh Thị N* từ năm 1998 đến nay. UBND thành phố U đã kiểm tra rà soát và ban hành văn bản trả lời số 1071/UBND ngày 20-5-2015 với nội dung: "Thửa đất trên nằm giáp ranh với thửa đất của bà Trịnh Thị N* đang ở, đất có nguồn gốc đất do Trường Đảng cũ quản lý, sử dụng. Sau khi Trường Đảng giải thể, hộ gia đình ông Phạm Duy Kn và bà Phạm Thị V đã tự ý chiếm dụng để trồng một số cây (bạch đàn, nhãn, vải...) chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Năm 1999 gia đình ông Phạm Duy Kn và bà Phạm Thị V đã xây dựng trái phép tại phần đất trên. Ngày 21-12-1999, UBND thị xã U đã ban hành Quyết định số 910/QĐ-UB về việc xử phạt vi phạm hành chính, yêu cầu hộ gia đình ông Phạm Duy Kn tháo dỡ nhà xây dựng trái phép tại thửa đất trên và thửa đất trên đang có tranh chấp nên UBND thành phố không có đủ điều kiện để cấp giấy CNQSD đất cho hộ gia đình bà Phạm Thị V được... UBND thành phố đã quy hoạch cấp đất dân cư xen kẽ, hiện nay UBND phường và các phòng ban của thành phố U đang tiến hành thủ tục trình tự đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành".

Như vậy, thửa đất mà gia đình bà Phạm Thị V đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay đã được UBND thành phố U thông báo thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng để phục vụ việc cấp đất xen cư và chỉnh trang đô thị. Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết không chấp nhận yêu cầu về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 218 m^2 đất hiện gia đình bà đang chiếm dụng trồng cây là có căn cứ.

[4]. Về việc xác định tư cách đương sự:

Người khởi kiện yêu cầu hủy bỏ các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Q, Chủ tịch UBND thành phố U và hủy các thông báo liên quan đến việc giải quyết khiếu nại của UBND thành phố U. Trong trường hợp này, người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Q, Chủ tịch UBND thành phố U và UBND thành phố U. Tòa án cấp sơ thẩm không xác định UBND thành phố U là người bị kiện là không chính xác; tuy nhiên, đây không phải là sai lầm nghiêm trọng, có thể sửa lại phần này theo quy định của pháp luật.

Với các lý do trên đây, xét thấy quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị V và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà V tại phiên

tòa.

[5]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà V phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; bác kháng cáo của bà Phạm Thị V và giữ nguyên quyết định của Bản án số 77/2018/HC-ST ngày 06-12-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Q như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 29-12-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V (lần 2), bác yêu cầu hủy quyết định số 6185/QĐ-CTUBND ngày 16-9-2015 của Chủ tịch UBND thành phố U về việc giải quyết khiếu nại của bà V (lần đầu), bác yêu cầu hủy các thông báo số 555/TB-UBND ngày 17-12-2013 và thông báo thu hồi đất số 396/TB-UBND ngày 30-9-2014 của UBND thành phố U đối với bà Phạm Thị V.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

3. Bà Phạm Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận bà V đã nộp số tiền này ngày 27-12-2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Q.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Cục THA dân sự tỉnh Q;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NTN